TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST
Ngày: 15/11/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Xuân Mẫn
2. Bà Nguyễn Thị Liệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm: 1940.

HKTT: Số 119/3, khu phố 2, phường P, quận 9, TP.HCM.

Địa chỉ liên lạc: Số 22B/5, ấp 2, xã PN, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2.Bị đơn: Anh Cao Thanh T, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Số 22/5, ấp 2, xã PN, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2019, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị H trình bày:

Anh Cao Thanh T có nợ bà số tiền 300.000.000đ theo giấy thỏa thuận ngày 12/01/2018. Hai bên thỏa thuận mỗi tháng anh T trả cho bà 2.000.000đ, cuối mỗi năm anh T gom được bao nhiêu sẽ trả thêm cho đến khi hết số tiền 300.000.000đ. Nếu anh T không thực hiện đúng thỏa thuận thì bà có quyền khởi kiện. Quá trình thực hiện thỏa thuận thì anh T trả cho bà từ tháng 2/2018 đến tháng 6/2018 được 16.000.000đ, sau đó thì không trả nữa nên bà khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Đ. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì anh T tiếp tục trả tiền cho bà nhưng có tháng trả, có tháng không trả được 8.000.000đ. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì anh T đã trả cho bà được 24.000.000đ, còn nợ lại

276.000.000đ. Vì vậy, bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 8.000.000đ trong tổng số tiền 284.000.000đ mà anh T còn nợ. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết buộc anh Cao Thanh T thanh toán số tiền còn nợ là 276.000.000đ (Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Với hình thức thanh toán 01 lần. Bà không yêu cầu tiền lãi.

- Theo biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Cao Thanh T trình bày:

Anh thừa nhận có nợ bà Đinh Thị H số tiền 300.000.000đ theo giấy thỏa thuận ngày 18/01/2018. Anh đã trả được cho bà H số tiền là 24.000.000đ. Khi trả thì bà H có ghi sổ còn anh không giữ giấy tờ gì. Bà H khởi kiện thì anh đồng ý trả cho bà H số tiền còn nợ là 276.000.000đ. Hiện nay anh đang làm thuê cho cửa hàng xăng dầu Tân Phú tại xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, là lao động thời vụ, không có hợp đồng lao động, thu nhập mỗi tháng 5.500.000đ và đang phải nuôi con nhỏ nên anh không thể trả một lần cho bà H được. Anh đề nghị tiếp tục được trả nợ cho bà H theo phương thức trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ như thỏa thuận ngày 18/01/2018.

- Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cơ bản đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải và giao nhận văn bản tố tụng: Tòa án xác định và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H:

Đề nghị đình chỉ yêu cầu của bà H đối với số tiền 8.000.000đ mà bà H đã rút yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sự thừa nhận của bị đơn thì xác định anh Cao Thanh T còn nợ bà Đinh Thị H số tiền 276.000.000đ. Anh T đã vi phạm thỏa thuận trả nợ hàng tháng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc anh Cao Thanh T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Đinh Thị H số tiền 276.000.000đ.

Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Cao Thanh T: Anh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Cao Thanh T.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ đơn khởi kiện và chứng cứ mà bà H cung cấp, các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[3] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện thì bà H yêu cầu anh T trả lại số tiền đã vay, nên Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Tại phiên tòa, bà H khai số tiền anh T nợ bà là số tiền mà bà đã bà đã thế chấp nhà để bảo lãnh cho anh T vay nợ Ngân hàng, do anh T không trả nợ nên ngân hàng đã phát mãi nhà của bà để thu hồi nợ. Bà và anh T có thỏa thuận là anh T có nợ bà 300.000.000đ, nay bà yêu cầu anh T trả lại cho bà, do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp đòi tài sản" được quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì xác định bà Đinh Thị H là nguyên đơn, anh Cao Thanh T là bị đơn.

[5] Về điều kiện khởi kiện: Bị đơn anh Cao Thanh T đã vi phạm thời hạn trả nợ nên bà Đinh Thị H khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quy định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo thì áp dụng các Điều 26, 35, 68, 147, 184, 220, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[7] Tất cả các chứng cứ đã được Tòa án thông báo, công bố tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đã photo cho các đương sự theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa cũng đã công bố lại cho đương sự biết. Tại phiên tòa, bà H không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

[8] Về đường lối giải quyết vụ án:

Bà Đinh Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 8.000.000đ mà anh T đã trả sau khi Tòa án thụ lý vụ án, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H "Tranh chấp hợp đòi tài sản" đối với anh Cao Thanh T về số tiền 8.000.000đ.

Xét yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 276.000.000đ: Bà Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu anh T phải trả số tiền còn nợ là 276.000.000đ theo Giấy thỏa thuận ngày 18/01/2018. Bà H cung cấp bản chính Giấy thỏa thuận ngày 18/01/2018, sổ theo dõi số tiền anh T trả mỗi tháng. Bị đơn anh Cao Thanh T thừa nhận có nợ bà H số tiền 300.000.000đ theo giấy thỏa thuận ngày 18/01/2018. Anh đã trả được 12 tháng với số tiền 24.000.000đ, hiện còn nợ bà H 276.000.000đ. Do đó, đủ căn cứ xác định anh T nợ bà H 276.000.000đ, nên yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ.

Bị đơn anh T đề nghị trả dần mỗi tháng 2.000.000đ theo thỏa thuận ngày 18/01/2018 vì kinh tế khó khăn, nuôi con nhỏ. Xét thấy, anh T đã vi phạm thỏa

thuận ngày 18/01/2018, bà H không đồng ý tiếp tục thực hiện thỏa thận này. Vì vậy, yêu cầu trả dần theo thỏa thuận ngày 18/01/2018 của anh T không được chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc anh Cao Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đinh Thị H số tiền còn nợ là 276.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[9] Về án phí:

Anh Cao Thanh T phải chịu 276.000.000đ x 5% = 13.800.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đinh Thị H được miễn tạm ứng án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên không xem xét hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà H.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 68, 147, 184, 220, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp đòi tài sản" của nguyên đơn bà Đinh Thị H đối với bị đơn anh Cao Thanh T về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 8.000.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H về việc "Tranh chấp đòi tài sản" đối với anh Cao Thanh T.

Buộc anh Cao Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đinh Thị H số tiền 276.000.000đ (Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Anh Cao Thanh T phải chịu 13.800.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Đinh Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Cao Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phan Thanh Hà